

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-ST
Ngày: 31-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Phương

Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cảnh

Bà Nguyễn Thị Chi

Bà Trần Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Thời Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị Tố U, sinh năm 1977 tại Hải Phòng; Nghề nghiệp: Không; Nơi cư trú: Đường Nguyễn Đức T, khu phố TN, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương; Trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đỗ D, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1951; Bị cáo có chồng thứ nhất tên Lê Tiến D1 sinh năm 1976 (đã ly hôn); Chồng thứ 2 tên CH sinh năm 1974 (đã chết) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án: Ngày 15/01/2020, Trần Thị Tố U bị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 12 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.719.763.800đ (Ba tỷ bảy trăm mười chín triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm đồng). Hiện bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù của Bản án này.

Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 10/8/2020 - *Có mặt*;

2. Phạm Văn C, sinh năm 1986 tại Nam Định; Nghề nghiệp: Không; Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn D3, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1963 (đã chết); Bị cáo có vợ tên Lê Thị N sinh năm 1985 và có con 01 con sinh năm 2012.

Tiền án:

- Ngày 02/6/2007, Phạm Văn C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.850.000đ (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Đến ngày 12/11/2007, Phạm Văn C bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Qua xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An, thì C chưa nộp 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Ngày 12/6/2007, Phạm Văn C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tại Bản án số 06/2008/HS-ST ngày 19/3/2008 Phạm Văn C bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và phải chịu hình phạt của Bản án số 35/HSST/2007 ngày 12/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An là 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của hai Bản án là 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2007. Đến ngày 07/3/2018, C chấp hành xong án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

- Từ ngày 22/01/2007 đến ngày 18/4/2007, Phạm Văn C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt trên 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Đến ngày 17/7/2008, Phạm Văn C bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, cộng với mức án 02 năm 09 tháng tù tại Bản án số 06/2008/HSST ngày 19/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Buộc Phạm Văn C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2007. Đến ngày 30/8/2010, C được đặc xá hình phạt tù.

- Ngày 05/11/2012, Phạm Văn C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tại Bản án số 09/2012/HS-ST ngày 06/3/2013, Phạm Văn C bị Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xử phạt 32 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, giá trị tài sản bị chiếm đoạt 38.700.000đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng). Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2012.

- Ngày 05/11/2012, Phạm Văn C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt trên 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng). Đến ngày 09/10/2014, Phạm Văn C bị Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử phạt 28 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp với hình phạt 32 tháng tù tại Bản án số 09/2013/HSST ngày 06/3/2013 của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Buộc Phạm Văn C phải chấp hành hình phạt

cung của hai bản án là 05 năm tù. Đến ngày 05/6/2017, C chấp hành xong hình phạt tù của 02 Bản án nêu trên.

- Ngày 12/10/2017, Phạm Văn C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt trên 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Đến ngày 07/02/2018, Phạm Văn C bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 268 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đến ngày 12/02/2019, C chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 10/8/2020 – Có mặt;

3. Phan Hoàng P, sinh năm 1986 tại Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Nơi cư trú: Khu phố 1, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Hoàng C1, sinh năm 1960 và bà Vòng Công C2, sinh năm 1965; Bị cáo có vợ thứ nhất là chị Phan Thị Cẩm T, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2005; có vợ thứ hai là chị Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1992.

Tiền án:

- Ngày 22/11/2011, Phan Hoàng P bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.266.399đ (Ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi chín đồng). Qua xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, thì P được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa ra Quyết định miễn giảm án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) vào ngày 14/6/2018.

- Ngày 27/8/2019, Phan Hoàng P bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 01 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đến ngày 24/6/2020, P chấp hành xong Bản án.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 18/3/2015, Phan Hoàng P bị Tòa án thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Đến ngày 24/7/2015, P chấp hành xong Bản án.

- Ngày 31/5/2012, Phan Hoàng P bị Ủy ban nhân dân thành phố B, ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Đến ngày 23/5/2014, P chấp hành xong Quyết định.

- Ngày 10/6/2016, Phan Hoàng P bị Công an thành phố B, ra Quyết định phạt hành chính với số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Đến ngày 14/6/2016, P chấp hành xong Quyết định.

- Ngày 30/6/2016, Phan Hoàng P bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Đến ngày 05/01/2018, P chấp hành xong Quyết định.

Bị bắt ngày 10/8/2020 – *Có mặt*;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Trần Thị Thanh Ng, sinh năm 1972 – *Có mặt*;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp B4, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương;

+ Anh Lê Trần Hoàng Th, sinh năm 2000 – *Có mặt*;

Địa chỉ: Đường Nguyễn Đức T, khu phố TN, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương;

- *Người làm chứng*:

+ Anh Lê Văn T3, sinh năm 1981 – *Vắng mặt*;

Địa chỉ: Số 381/55, khu phố 1, phường H6, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

+ Anh Nguyễn Ngọc T4, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*;

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

+ Chị Nguyễn Thị Hồng Y2, sinh năm 1992 – *Vắng mặt*;

Địa chỉ: Xã TP, huyện Đ, thành phố T5, tỉnh Cần Thơ;

Nơi ở: Khu phố 2, phường H6, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

+ Chị Phạm Thị Thúy D, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*;

Địa chỉ: Khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Nơi ở: Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Trần Thị Tố U*: Luật sư Nguyễn Văn M (Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai) – *Có mặt*;

Địa chỉ: Đường Võ Thị Sáu, khu phố 7, phường N5, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị Tố U, bị cáo Phạm Văn C (là bạn trai của U) và bị cáo Phan Hoàng P là những đối tượng nghiện ma túy tổng hợp (ma túy khay, thuốc lắc, ma túy đá). Từ ngày 29/6/2020 đến ngày 08/8/2020, tại khu vực ngã tư A, thuộc Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Thị Tố U đã 05 lần mua 04 gói ma túy đá, với giá từ 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) đến 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)/gói và 20 viên thuốc lắc, với giá 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) của người đàn ông (chưa rõ lai lịch), rồi bị cáo U mang về cùng bị cáo C sử dụng

một phần ma túy đá, phần còn lại mang bán cho bị cáo Phan Hoàng P để thu hồi tiền vốn. Trong quá trình bán ma túy, bị cáo U còn rủ bị cáo C phụ giúp bán ma túy, bị cáo C đồng ý. Cụ thể:

- Vào các ngày 03, 14 và 25/7/2020, bị cáo C 03 lần mượn xe mô tô (không rõ biển số) của người tên M1, tên S (chưa rõ lai lịch) chở bị cáo U mang theo 03 gói ma túy đá đến khu vực thuộc khu phố 12, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để bán cho bị cáo Phan Hoàng P, với giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)/gói. Sau khi có ma túy đá, bị cáo P đã sử dụng hết 02 gói ma túy đá, còn lại 01 gói ma túy đá bị cáo P cất giấu trong phòng trọ số khu phố 12, phường B1, thành phố B để mục đích sử dụng.

- Ngày 06/8/2020, bị cáo P điện thoại di động cho bị cáo U theo số 0786.190.xxx hỏi mua 01 gói ma túy đá, với giá 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), bị cáo U đồng ý và hẹn địa điểm mua bán ở nhà của bị cáo C tại số 1G/68, tổ 9, khu phố 3, phường T, thành phố B. Khi bị cáo P đến gần điểm hẹn, thì bị cáo U bảo bị cáo C đi đón dẫn bị cáo P vào nhà gặp bị cáo U để bán ma túy, bị cáo C đồng ý. Tại đây, bị cáo U đã bán 01 gói ma túy đá, với giá 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) cho bị cáo P, bị cáo P trả trước 2.000.000đ (Hai triệu đồng), số tiền còn lại bị cáo P thiếu nợ. Sau khi có ma túy, bị cáo P chia thành 02 gói ma túy nhỏ mang về cất giấu trong phòng trọ do bị cáo P thuê tại khu phố 2, phường H6, thành phố B để sử dụng dần.

Khoảng 10 giờ ngày 10/8/2020, bị cáo P điều khiển xe mô tô biển số 60B4-766.88 mang theo 01 gói ma túy đá trên đến khu vực trước nhà khu phố 2, phường H6, thành phố B, nhưng bị cáo P chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang thu giữ 01 gói ma túy đá (Ký hiệu M1), 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0325.626.XXX, 01 điện thoại di động hiệu Vivo có số thuê bao 0794.836.XXX và số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Tiếp tục khám xét khẩn cấp tại các nhà trọ số khu phố 12, phường B1, thành phố B và khu phố 2, phường H6, thành phố B thu giữ của bị cáo P 02 gói ma túy đá còn lại (ký hiệu M2, M3).

- Tại kết luận giám định số 1628/KLGD-PC09 ngày 14/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (ký hiệu M1) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 9,9257gam, loại Methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (Ký hiệu M2) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,8300gam, loại Methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (Ký hiệu M3) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 70,8818gam, loại Methamphetamine;

Đến khoảng 14 giờ ngày 10/8/2020, tại khu phố 3, phường T, thành phố B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt quả tang bị cáo U đang cất giấu 01 gói ma túy đá (Ký hiệu M4), 20 viên thuốc lắc (Ký hiệu M5, M6, M7, M8) nhưng chưa kịp bán cùng với số tiền 164.700.000đ (Một trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), trong đó (số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền bán ma túy cho bị cáo P mà có, số tiền còn lại không liên quan đến việc phạm tội), 01 điện thoại di

động hiệu Nokia có số thuê bao 0786.190.xxx, 01 điện thoại di động hiệu Samsung có số thuê bao 0937.718.xxx. 01 ví da màu hồng, 01 thẻ ATM ngân hàng quân đội (MB) mang tên Trần Thị Thanh Ng và 01 thẻ ATM ngân hàng Viettinbank mang tên Lê Trần Hoàng Th.

Đồng thời, khám xét khẩn cấp tại khu phố 3, phường T, thành phố B, thu giữ của bị cáo U gồm: 07 gói ma túy đá (Ký hiệu M9); 02 cân tiểu ly và 01 xe mô tô biển số 60C2- 666XXX cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60C2- 666XXX mang tên Nguyễn Thị P7.

- Tại kết luận giám định số 1628/KLGD-PC09 ngày 14/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (ký hiệu M4) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1,0454gam, loại Methamphetamine; Viên nén hình tròn, có viền răng cưa, màu xanh lá cây được niêm phong (Ký hiệu M5) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 5,5787gam, loại MDMA, Methamphetamine, Ketamine; Viên nén hình tròn, màu vàng được niêm phong (Ký hiệu M6) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,3694gam, loại MDMA, Methamphetamine, Ketamine; Viên nén hình trái tim, màu hồng được niêm phong (Ký hiệu M7) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,3481gam, loại MDMA; Viên nén không rõ hình, màu xanh ngọc được niêm phong (Ký hiệu M8) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,5182gam, loại MDMA; Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (Ký hiệu M9) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 1.160,6783gam, loại Methamphetamine.

Khám xét phòng thuê của bị cáo C và bị cáo U tại đường Nguyễn Văn R, ấp 1, xã L, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thu giữ của bị cáo U: 01 cân tiểu ly, 01 hộ chiếu số B9926340 mang tên Trần Thị Thanh Ng; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Thị Tố U, 38 túi nylon; 01 mũ ống nhựa màu trắng, 01 vá nhựa màu trắng và 01 ca nhựa.

Đến 15 giờ 30 phút ngày 10/8/2020, tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Phạm Văn C và thu giữ trên người bị cáo C: 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0778.290.xxx; 01 điện thoại di động hiệu OPPO có số thuê bao 0774.417.xxx và số tiền 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra làm rõ:

- Đối với xe mô tô biển số 60B4-766.XXX mà P dùng vào việc phạm tội, hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chủ sở hữu nên tách ra xử lý sau.

- Đối với người đàn ông (không rõ lai lịch) có hành vi bán trái phép ma túy cho U, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đang tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy tổng số ma túy còn lại đã được niêm phong sau giám định (số 1628/KLGD-PC09 ngày 14/8/2020);

- Đối với bị cáo Trần Thị Tố U:

+ Tịch thu tiêu hủy 03 cân tiểu ly; 38 túi nylon; 01 muỗng nhựa màu trắng, 01 vá nhựa màu trắng và 01 ca nhựa, do không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0786.190.xxx, 01 điện thoại di động hiệu Samsung có số thuê bao 0937.718.xxx là phương tiện bị cáo U dùng vào việc phạm tội và số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền bán ma túy cho bị cáo P mà có.

+ Trao trả: 01 ví da màu hồng cùng 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Thị Tố U cho U; 01 thẻ ATM ngân hàng quân đội (MB) mang tên Trần Thị Thanh Ng và 01 hộ chiếu số B9926xxx mang tên Trần Thị Thanh Ng cho chị Trần Thị Thanh Ng sinh năm 1972, cư trú tổ 2, B4, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (chị ruột của U); 01 xe mô tô biển số 60C2- 666XXX cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 60C2- 666XXX mang tên Nguyễn Thị P7 và 01 thẻ ATM ngân hàng Viettinbank mang tên Lê Trần Hoàng Th cho Lê Trần Hoàng Th sinh năm 2000, cư trú đường Nguyễn Đức T, khu phố TN, phường D, thành phố A, tỉnh Bình Dương (con ruột của U), do không liên quan đến việc phạm tội.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 162.700.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng) của bị cáo U để đảm bảo thi hành án.

- Đối với bị cáo Phạm Văn C:

+ Trao trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0778.290.xxx; 01 điện thoại di động hiệu OPPO có số thuê bao 0774.417.xxx cho C, do không liên quan đến việc phạm tội.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng) của bị cáo C để đảm bảo thi hành án.

- Đối với bị cáo Phan Hoàng P:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0325.626.XXX là phương tiện bị cáo P dùng liên lạc mua ma túy.

+ Trao trả 01 điện thoại di động hiệu Vivo có số thuê bao 0794.836.XXX cho bị cáo P, do không liên quan đến việc phạm tội.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Tại Cáo trạng số 2483/CT-VKS-P1 ngày 30/3/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Thị Tố U về tội về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Phạm Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Phan Hoàng P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Trần Thị Tố U đã khai nhận tội và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng, không có oan sai. Bị cáo đề nghị xem xét lại gói ma túy mà cơ quan điều tra đã thu giữ từ bị cáo có pha bột phách, đề nghị giám định lại. Đồng thời, bị cáo còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo.

- Bị cáo Phạm Văn Hải đã khai nhận hành vi phạm tội và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng và bị cáo khẳng định việc bị cáo U khai bị cáo C chở bị cáo U đi mua ma túy là không đúng. Bị cáo chỉ chở bị cáo U đi bán ma túy cho bị cáo P 03 lần và lần cuối cùng bị cáo có ra rước bị cáo P vào nhà để bị cáo U bán ma túy cho bị cáo P. Việc mua bán ma túy đều do bị cáo U giao dịch với bị cáo P, bị cáo C hoàn toàn không biết được số lượng bao nhiêu, số ma túy bị thu giữ là của bị cáo U tự cất giấu. Bị cáo không biết về việc này.

- Bị cáo Phan Hoàng P: Thành khẩn khai báo và khẳng định cáo trạng truy tố là đúng. Bị cáo có mua ma túy của bị cáo U tổng cộng là 04 lần như bị cáo U và bị cáo C đã khai. Bị cáo mua ma túy từ bị cáo U về để sử dụng.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Khẳng định cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo là đúng pháp luật. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo U về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

- Bị cáo Trần Thị Tố U:

+Tình tiết tăng nặng: Phạm tội nhiều lần, tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g, h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

+Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Phạm Văn C:

+Tình tiết tăng nặng: Không.

+Tình tiết giảm nhẹ: Được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Phan Hoàng P:

+Tình tiết tăng nặng: Tái phạm nguy hiểm.

+Tình tiết giảm nhẹ: Được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do đó, đề nghị mức án như sau:

- Bị cáo Trần Thị Tố U: Chung thân, tổng hợp hình phạt của Bản án 12 năm tù, bị cáo chấp hành hình phạt chung: Chung thân.

- Bị cáo Phạm Văn C: Từ 12 năm đến 13 năm tù.

- Bị cáo Phan Hoàng P: Từ 12 năm đến 13 năm tù.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật (Cáo trạng đã nêu rõ).

Trình bày của Luật sư bào chữa cho bị cáo U: Viện kiểm sát truy tố bị cáo U là đúng pháp luật. Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề xuất. Tuy nhiên, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với các bị cáo. Các bị cáo đã được nhận đầy đủ Kết luận điều tra, Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo quyền được Luật sư bào chữa, tại phiên tòa, các bị cáo cũng không khiếu nại, thắc mắc gì.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Bị cáo Trần Thị Tố U: Đã có một tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo chưa thi hành án (lý do bị cáo đang nuôi con nhỏ). Trong thời gian chờ hoãn thi hành án bị cáo không tự cải tạo bản thân mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hơn. Bị cáo thừa nhận để có tiền tiêu xài bị cáo đã thực hiện hành vi mua ma túy về bán kiếm lời trang trải cuộc sống hàng ngày và có ma túy sử dụng.

Bị cáo U thừa nhận có đi mua ma túy về bán cho bị cáo Phan Hoàng P 04 lần (trong đó có 03 lần bán tại nhà bị cáo P và 01 lần bị cáo P đến nhà bị cáo C, bị cáo U bán). Trong 04 lần bán ma túy cho bị cáo P kể trên thì có 03 lần bị cáo C chở U đi bán, còn 01 lần bị cáo C dẫn bị cáo P vào nhà để mua ma túy của bị cáo U. Việc bán ma túy giữa bị cáo U và bị cáo P thì bị cáo C đều biết.

Thu giữ ma túy của bị cáo U tổng cộng 1.244,2275 gam, tất cả đều ma túy loại MDMA, Methamphetamine, Ketamine.

Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có cơ sở đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo U cho rằng trong số ma túy thu giữ của bị cáo có trộn bột phách và đề nghị giám định lại là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ khi khám xét, thu giữ, niêm phong ma túy thu của bị cáo U, bị cáo U đều ký niêm phong và số ma túy trên đã được giám định xác định là ma túy.

- Bị cáo Phạm Văn C: Là đối tượng có nhân thân rất xấu, có 06 tiền án, bị cáo không chịu cải tạo, tu dưỡng để trở thành công dân lương thiện mà bị cáo lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Theo lời khai của bị cáo U thì những lần đi mua ma túy đều do bị cáo C chở đi nhưng bị cáo C không thừa nhận. Bị cáo C chỉ thừa nhận có 03 lần chở bị cáo U đi bán ma túy cho bị cáo P và 01 lần dẫn bị cáo P vào nhà để bị cáo U bán ma túy. Toàn bộ sự việc mua bán ma túy đều do bị cáo U chủ động, bị cáo C không biết số lượng bao nhiêu, số lượng ma túy toàn bộ thu giữ được là 1.244,2275 gam là của bị cáo U cất giữ, bị cáo C không biết. Nên Viện kiểm sát chỉ truy tố bị cáo C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đồng phạm của bị cáo U) theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự (phạm tội nhiều lần và tái phạm nguy hiểm) là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

- Bị cáo Phan Hoàng P: Cùng là đối tượng có nhân thân rất xấu, có nhiều tiền án tiền sự. Bị cáo tàng trữ số lượng ma túy rất lớn 81,6375 gam nên đã phạm vào điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định của pháp luật.

[3] Trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Trần Thị Tố U:

+Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo.

+Tình tiết tăng nặng: Tái phạm nguy hiểm, phạm tội nhiều lần.

Nên xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm và tổng hợp hình phạt 12 năm tù của bản án trước, buộc bị cáo Trần Thị Tố U phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

-Bị cáo Phạm Văn C:

+Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo.

+Tình tiết tăng nặng: Không.

Bị cáo C phạm vào 02 tình tiết định khung hình phạt và có nhân thân quá xấu nên xử bị cáo mức án nghiêm.

- Bị cáo Phan Hoàng P:

+Tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo.

+Tình tiết tăng nặng: Tái phạm nguy hiểm.

Cần xử phạt bị cáo P mức án nghiêm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị Tố U 100.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Tài sản liên quan đến việc phạm tội tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Tài sản không có giá trị sử dụng, ma túy tịch thu tiêu hủy và tài sản không liên quan đến vụ án thì trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Tại phiên tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định

Hội đồng xét xử về tội danh và mức án mà Viện kiểm sát đề nghị nên được chấp nhận. Riêng tình tiết giảm nhẹ Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho các bị cáo là điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không được chấp nhận bởi lẽ các bị cáo thành khẩn nhận tội về hành vi phạm tội của chính các bị cáo chỉ được xem xét là thành khẩn nhận tội tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (trừ trường hợp các bị cáo khai giúp cơ quan điều tra bắt nhiều bị cáo khác thì mới được xem xét áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự).

[7] Trình bày của Luật sư bào chữa: Đã nêu rõ quan điểm thống nhất tội danh, điều luật đối với bị cáo U là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Riêng luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt là không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tố U và bị cáo Phạm Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Phan Hoàng P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h, khoản 1, Điều 52; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Tố U mức án chung thân**. Tổng hợp hình phạt 12 năm tù tại Bản án số 15/2020/HS-PT ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Tố U 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Áp dụng điểm p, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn C 13 (mười ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2020.

4. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phan Hoàng P 12 (mười hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2020.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy;

+ Tổng số ma túy còn lại đã được niêm phong sau giám định (số 1628/KLGD-

PC09 ngày 14/8/2020 tên các đối tượng Phan Hoàng P, Trần Thị Tố U và Phạm Văn C).

+ 03 cân tiểu ly, 38 túi ni lông, 01 muỗng nhựa màu trắng, 01 vá nhựa màu trắng, 01 ca nhựa.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia kèm sim của U;

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung kèm sim của U;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia kèm sim của P;

+ Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) của bị cáo Trần Thị Tố U.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền thu giữ của các bị cáo để đảm bảo thi hành án:

+ Bị cáo Trần Thị Tố U: 162.700.000đ (một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng);

+ Bị cáo Phạm Văn C: 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng);

+ Bị cáo Phan Hoàng P: 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng);

- Trả lại cho các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Trao trả cho bị cáo Phan Hoàng P 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo kèm sim;

+ Trao trả cho bị cáo Phạm Văn C 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia kèm sim và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo kèm sim;

+ Trao trả cho bị cáo Trần Thị Tố U 01 (một) ví da màu hồng, 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Thị Tố U;

+ Trao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Trần Thị Thanh Ng gồm: 01 (một) thẻ AMT của Ngân hàng quân đội (MB) mang tên Trần Thị Thanh Ng, 01 (một) hộ chiếu số B9926xxx mang tên Trần Thị Thanh Ng;

+ Trao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Anh Lê Trần Hoàng Th gồm: 01 (một) xe mô tô biển số 60C2-666XXX màu đỏ đen, số máy G3D4E – 775xxx, số khung RLCUG1010JY009xxx; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 60C2-666XXX mang tên Nguyễn Thị P7; 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng Vietinbank mang tên Lê Trần Hoàng Th;

Tất cả vật chứng trên đã được cơ quan điều tra chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai tại Giấy ủy nhiệm chi lập ngày 29/3/2021 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai số tiền 170.400.000đ (một trăm bảy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số NK21/067 ngày 30/3/2021 giữa Cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai

6. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Các bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai – Bị cáo;
- Các đương sự - Luật sư;
- PV06 – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Nam Phương